

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 11 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chữ
Bà Hoàng Thị Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Lam - Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Yến - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên (TAND huyện Ân Thi cũ), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990

- Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 18/12/2020 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 23/5/2023. Người đại diện hợp pháp của các cháu: Anh Q, chị L – Bố, mẹ đẻ của các cháu

Đều địa chỉ: V, A, H

Anh Q, chị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Anh Q, chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2019 tại UBND xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Ân Thi, Hưng Yên). Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau làm ăn, sinh sống trên Hà Nội, đến tháng 5/2025 thì chuyển hẳn về Vệ Dương, Ân Thi, Hưng Yên để sinh sống.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong làm ăn kinh tế, quan điểm sống, chị L bỏ bê con cái, gia đình. Đến cuối năm 2024 anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị L không quan tâm đến gia đình và không tôn

trọng anh trong kinh tế. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị L, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Q, chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 18/12/2020 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 23/5/2023. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khang, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị L trình bày: Cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2019 tại UBND xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Ân Thi, Hưng Yên). Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau làm ăn, sinh sống trên Hà Nội, đến tháng 5/2025 anh chị chuyển hẳn về Vệ Dương, Ân Thi, Hưng Yên để sinh sống. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến khi chị đi học các lớp phát triển bản thân thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến tết năm 2024 học khóa thứ hai, chị không nói với anh Q, chị nghỉ học để có kinh tế độc lập nhưng anh Q cho rằng chị không tôn trọng anh Q nên mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau. Từ tết năm 2025 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhiều hơn, anh chị cũng đã ngồi lại nói chuyện, chị có hứa với anh Q sẽ thay đổi, về tài chính và công việc đều công khai với anh Q, chăm lo gia đình tốt hơn. Về yêu cầu xin ly hôn của anh Q, chị vẫn còn tình cảm với anh Q, mong vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu anh Q vẫn kiên quyết chị đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 18/12/2020 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 23/5/2023. Nếu ly hôn, Chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, về cấp dưỡng theo khả năng và thiện chí của anh Q.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết

Ông Nguyễn Văn C (Bố đẻ của anh Q) trình bày: Ông là bố đẻ của anh Q còn chị L là con dâu ông. Chị L, anh Q tự do tìm hiểu và có về nói chuyện với hai gia đình, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới cho anh chị và anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là Ân Thi, Hưng Yên) vào năm 2019. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi thì chị L có về chung sống cùng gia đình ông làm ăn, sinh sống, rồi lên Hà Nội một thời gian, đến năm nay hai anh chị về lại xã Ân Thi sinh sống. Ông đồng ý với quan điểm của anh Q về quá trình chung sống và thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị L muốn kinh doanh và học

các lớp dạy kinh doanh tốn rất nhiều tiền nhưng anh chị không thống nhất với nhau, chị L thì chăm sóc con cái không tốt. Gia đình hai bên có nói chuyện với nhau, anh Q có nói chuyện với gia đình chị L, mong muốn chị L sửa chữa và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về yêu cầu xin ly hôn của anh Q, quyết định như thế nào phụ thuộc vào anh chị. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh năm 2020 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh năm 2023. Hiện nay các cháu đang ở cùng gia đình ông, ông vẫn phụ giúp anh chị chăm sóc hai cháu lúc anh chị đi làm. Nếu anh chị ly hôn ông sẽ tiếp tục giúp anh Q chăm sóc con chung. Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Anh Q, chị L không có tài sản chung, công sức công nợ gì và cũng không có nợ hay tài sản chung liên quan đến ông.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Ân Thi: Vợ chồng anh Q, chị L có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2019 tại UBND xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Ân Thi, Hưng Yên). Quá trình chung sống anh Q, chị L có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh năm 2020 và cháu Nguyễn Minh Khang, sinh năm 2023. Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa, do các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; điều 28, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, Điều 238 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Q được ly hôn chị L.
2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Q, giao cháu Linh cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, tự lập được, giao cháu Khang cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q và bị đơn chị Trần Thị L đều trú địa chỉ tại Vệ Dương, Ân Thi, Hưng Yên. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Q, chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q, chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có Đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2019 tại UBND xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Ân Thi, Hưng Yên). Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Q, chị L là hợp pháp. Nay anh Q có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Anh Q xác định sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong làm ăn kinh tế, quan điểm sống, chị L bỏ bê con cái, gia đình. Đến cuối năm 2024 anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị L không quan tâm đến gia đình và không tôn trọng anh trong kinh tế. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị L, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, lâm vào tình trạng trầm trọng, đề nghị xin ly hôn với chị L. Quá trình Tòa án thụ L, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Q, chị L đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, chị L đều vắng mặt trong các buổi hòa giải như vậy thể hiện không có thiện trí để Tòa án hoà giải vợ chồng đoàn tụ, còn anh Q đều có mặt và xác định đã không còn tình cảm, liên quan gì đến chị L, không có tình nghĩa vợ chồng nữa nên kiên quyết xin ly hôn và đến thời điểm này cả anh Q, chị L cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ hôn nhân của anh Q, chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của anh Q là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho anh Q được ly hôn chị L là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Q, chị L thống nhất quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 18/12/2020 và cháu Nguyễn Minh

Khang, sinh ngày 23/5/2023. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn chị L đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, về cấp dưỡng theo khả năng và thiện chí của anh Q. Thấy rằng, nguyện vọng của anh Q, chị L là chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của cha mẹ đối với con chưa thành niên, tuy nhiên việc giao các cháu L1, Khang cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét, đánh giá đến điều kiện, hoàn cảnh của người nuôi dưỡng. Anh Q, chị L đều có công việc, thu nhập ổn định, điều kiện về nơi ở, thời gian chăm sóc con cái của hai anh chị là tương tự nhau. **Cháu K thì còn nhỏ (sinh năm 2023), cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, HĐXX nhận thấy có căn cứ** giao cháu L1 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, giao cháu Khang cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. **Về cấp dưỡng, xét theo đề nghị của anh Q, chị L và do mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.**

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Trần Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 18/12/2020 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, giao Nguyễn Minh K, sinh ngày 23/5/2023 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đôi bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001893 ngày 08 tháng 10

năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh Nguyễn Văn Q đã nộp đủ án phí.

- Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chiến

Trần Quang Chử

Nguyễn Đồng Dục

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục